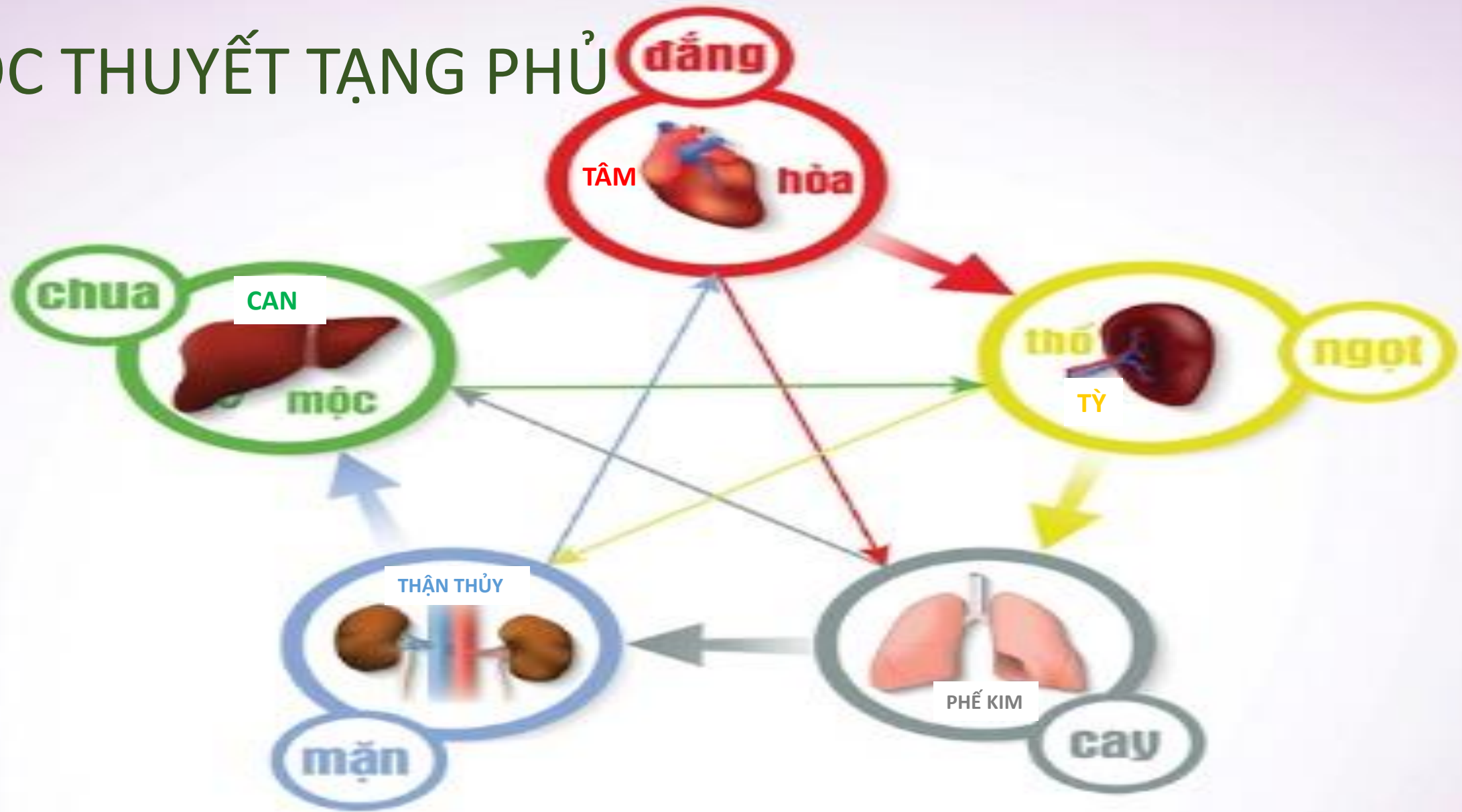


HỌC THUYẾT TẠNG PHỦ



I. ĐẠI CƯƠNG:

Trong cơ thể có 5 tạng (ngũ tạng), 6 phủ (lục phủ) và não tủy, tử cung, khí huyết, tinh thần và tân dịch.

1. Các tạng:

Tạng có chức năng chung là tạng giữ tinh khí. Có 5 tạng chính và 1 tạng phụ là:

- + Tâm (phụ là tâm bào), can, tỳ, phế thận
- + Quan hệ giữa các tạng là quan hệ ngũ hành sinh, khắc
- + Tương sinh: can sinh tâm, tâm sinh tỳ, tỳ sinh phế, phế sinh thận, thận sinh can.
- + Tương khắc: can khắc tỳ, tỳ khắc thận, thận khắc tâm, tâm khắc phế, phế khắc can.

2. Các phủ:

Chức năng chung của các phủ là chứa đựng, truyền tống, hấp thụ, bài tiết.

Phủ có nghĩa là nơi trú ngụ, trên đầy thì dưới vơi, mà trên vơi thì dưới đầy, luôn luôn thay đổi.

Có 6 phủ là: đởm, tiểu trường, đại trường, vị, bàng quang và tam tiêu. Ngoài ra còn một số phủ đặc biệt gọi là phủ kỳ hỗng như não, tử cung.

3. Quan hệ giữa tạng và phủ:

Là quan hệ âm dương, biểu lý. Biểu thuộc dương, lý thuộc âm.

Mỗi tạng đều quan hệ biểu lý với một phủ.

- + Tâm biểu lý với tiểu trường
- + Can biểu lý với đởm
- + Tỳ biểu lý với vị
- + Phế biểu lý với đại trường
- + Thận biểu lý với bàng quang
- + Tâm bào biểu lý với tam tiêu

II. CHỨC NĂNG CỦA TẠNG

1. Tạng tâm (phụ tâm bào):

Tâm thuộc hành hỏa là tạng đứng đầu các tạng. Tâm khái khiếu do lưõĩ, vinh nhuận ra mặt, sinh tỳ thổ, khắc phế kim, có những chức năng sau:

a. Tâm chủ thần minh:

Hay còn gọi là tâm tàng thần. Tâm làm chủ những hoạt động tâm thần như nhận thức tư duy, trí nhớ thông minh tương ứng với những chức năng của vỏ đại não.

Tâm khí, tâm huyết đầy đủ thì tinh thần sang suốt, tỉnh táo. Tâm huyết không đầy đủ thì xuất hiện các triệu chứng hồi hộp, mất ngủ.

b. Tâm chủ huyết mạch:

Tâm khí thúc đẩy huyết dịch trong mạch đi nuôi dưỡng toàn thân.

Tâm khí đầy đủ huyết dịch vận hành không ngừng, toàn thân được nuôi dưỡng tốt, biểu hiện nét mặt hồng hào tươi nhuận, tâm khí giảm sút sự cung cấp huyết dịch bị kém dẫn đến sắc mặt xanh xao.

Tâm phụ trách về tuần hoàn và máu. Huyết liên quan đến nhiều tạng khác như can, tỳ, thận nhưng tâm là chính.

c. Phụ (tâm bào-đảm trung)

Là bộ phận bên ngoài như tấm áo của tâm, có chức năng bảo vệ tâm.

2. Tạng can:

Can thuộc hành mộc, tính ưa vận động và vươn tỏa phò tá cho tâm cùng với đờm, là cơ sở cho tính quyết đoán, dung cảm.

Can khai khiếu ra mắt, vinh nhuận ra móng tay móng chân, sinh tâm hỏa khắc tỳ thổ, có chức năng sau:

- a. **Can tàng huyết:** can chứa huyết và điều tiết lượng huyết trong cơ thể. Khi ngủ máu về can, khi hoạt động can đưa máu đến các bộ phận. Xuất huyết liên quan đến chức năng của can.
- b. **Can chủ sơ tiết:** sơ tiết là sự thư thái (gọi là điều đạt). Can thúc đẩy khí huyết tới mọi bộ phận trong cơ thể. Khí huyết lưu thông tinh thần thoải mái thì thư thái, tinh thần uất ức không thoải mái sẽ ảnh hưởng đến chức năng sơ tiết của can và ngược lại. Khi giận giữ thì sẽ tổn thương can (nộ thương can).
- c. **Can chủ gân:** gân là các dây chằng quanh khớp, cũng là những thần kinh ngoại biên. Can huyết đầy đủ, các gân mạch được nuôi dưỡng tốt, vận động tốt. Trái lại can huyết hư sẽ gây ra chứng tê bại, tay run, co quắp, teo cơ, cứng khớp. Nếu sốt cao huyết dịch hư tổn sẽ gây co giật.

Móng tay là phần thừa của gân nên tình trạng thiếu đủ của can huyết sẽ có biểu hiện tái nhợt hay hồng nhuận.

3. Tạng tỳ:

Tỳ thuộc hành thổ, tính ôn hòa nhu nhuận, đảm nhiệm công việc hậu cần cho cơ thể, làm chức năng hậu thiên.

Tỳ khai khiếu ra miệng, vinh nhuận ra môi, sinh phế kim khắc thận thủy có chức năng:

a. Tỳ chủ vận hóa:

Tỳ cùng vị đảm nhiệm tiêu hóa thức ăn, chuyển thành tinh chất. Tỳ vận hóa tốt, cơ thể hoạt động tốt, nếu vận hóa kém thức ăn sẽ không chuyển thành tinh chất, khí huyết mà đẩy ra ngoài hóa thành đàm chất tích tụ lại trong cơ thể.

Tỳ vận hóa thủy thấp: chuyển hóa nước trong cơ thể của tỳ với sự tác giáng của phế, sự khí hóa của thận. Sự vận hóa của tỳ kém sẽ gây chứng đàm ẩm, gây thủy thũng.

b. Tỳ thống huyết, nhiếp huyết:

Tỳ sinh tinh (hậu thiên) tinh chuyển thành huyết. Tỳ đồng thời giúp huyết vận chuyển đúng đường. Tỳ khí mạnh huyết sẽ đi trong mạch, thúc đẩy đi nuôi cơ thể. Trái lại, tỳ khí hư sẽ thống nhiếp được huyết gây ra chứng rong kinh, rong huyết, đại tiện ra máu lâu ngày.

c. Tỳ chủ cơ nhục, chủ tứ chi:

Tỳ đưa các chất dinh dưỡng của đồ ăn đến nuôi dưỡng các cơ nhục, chân tay. Tỳ tốt thì cơ bắp săn chắc, chân tay vững mạnh. Chứng sa nội tạng liên quan đến tỳ. Tỳ hư thì cơ bắp nhẽo, chân tay mềm yếu.

4. Tạng phế:

Phế thuộc hành kim, có liên quan đặc biệt tới tâm, vì cùng ở thượng tiêu. Quan hệ tâm phế là quan hệ khí huyết, phế khai khiếu ra mũi biểu hiện ra tiếng nói sinh thận thủy khắc can mộc có chức năng sau:

a. Phế chủ khí, chủ hô hấp:

Phế tiếp thu thanh khí và đào thải trọc khí, tiếp nhận khí từ tỳ chuyển lên phổi hợp với khí trời thành tâm khí. Sự thở và tiếng nói trực tiếp do phế đảm nhiệm. Chứng ho khó thở khản tiếng đều liên quan đến tạng phế.

b. Phế chủ tuyên phát, túc giáng, thông điều thủy đạo:

Tuyên phát là đưa khí ra kinh mạch, đặc biệt là đưa vệ khí ra phần biểu để bảo vệ cơ thể chống lại ngoại tà.

Túc giáng là điều hòa phân bố thủy dịch trong cơ thể. Nếu tắc trở nước sẽ bị ứ đọng cục bộ gây phù nề thường ở phần trên cơ thể (phù dị ứng).

c. Phế trợ tâm, trị việc, trị tiết

Trị tiết là rành mạch các tổ chức trong cơ thể hoạt động có quy luật là nhờ có tâm nhưng vẫn cần tới sự hỗ trợ của phế (phế giữ phó tướng, việc trị tiết từ đó mà ra). Phó tướng của phế biểu hiện ở huyết mạch, chủ yếu là mối quan hệ giữa khí và huyết. Khí của toàn thân do phế làm chủ những phải nhờ vận chuyển của huyết mạch mới có thể thông đạt toàn thân.

d. Phế chủ bì mao

Phế đảm nhận phần biểu của cơ thể gồm da, lông, hiểu rộng ra là hệ thống bảo vệ cơ thể, hệ thống miễn dịch. Hay bị cảm mạo, mụn nhọt, dị ứng đều là chức năng của phế. Vì vậy, khi có bệnh ở phần biểu thường xuất hiện các chứng ở vệ khí và phế phối hợp như ngoại cảm, phong hàn: sợ gió, sợ lạnh, ngạt mũi, ho.

5. Tạng thận:

Thận thuộc hành thủy, là gốc của tiên thiên(di truyền huyết thống), quan hệ với tâm là quan hệ thủy hỏa. Thận khai khiếu ra tai và nhị âm(hậu âm, tiền âm). Vinh nhuận ra răng, tóc, sinh can mộc khắc thận thủy. Tạng thận có 2 phần gọi là:

- + Thận âm hay thận thủy, thận tinh
- + Thận dương hay thận hỏa, thận khí (nhiệt năng và cơ năng của cơ thể)

Thận có những chức năng:

a. Thận tàng tinh:

Thận tàng giữ tinh túy của cơ thể

- + Tinh hậu thiên do nguồn ăn uống chất nuôi dưỡng cơ thể còn gọi là tinh tạng phủ
- + Tinh tiên thiên còn gọi là tinh sinh dục là hệ thống gen di truyền trong các tế bào sinh dục. Quá trình sinh dục và phát dục do tinh tiên thiên và hậu thiên giải quyết, liên quan trực tiếp đến thận khí.

- Quá trình phát dục ở nữ giới tính theo Quy luật số 7

7 tuổi: thận khí thịnh, răng thay tóc mọc dài.

14 tuổi: thiên khí thịnh, thiên quý đến có kinh, có khả năng sinh con.

49 tuổi: thiên quý cạn, mãn kinh.

- Quá trình phát dục ở nam giới tính theo Quy luật số 8

8 tuổi: thận khí thực, răng tóc thay.

16 tuổi: thận khí thịnh, thiên quý đến, có khả năng sinh con.

64 tuổi: thận khí cạn, râu tóc bạc, răng long không sinh sản được.

b. Thận chủ thủy:

Thận cai quản và phân bố các thủy dịch trong cơ thể.

Thận khí hóa nước, tham gia vào việc chuyển hóa nước trong cơ thể cùng với:

- Tỳ vận hóa thủy thấp
- Phế thông điều thủy đạo
- Tam tiêu là đường thủy dịch của cơ thể
- Thận thanh lọc nước để đưa lên phế và dồn phần trọc xuống bàng quang để bài tiết ra ngoài.

c. Thận chủ cốt tủy liên quan não:

Tinh sản ra tủy, tủy sinh cốt, chứng còi xương, chậm đi ở trẻ, rụng răng ở người lớn liên quan đến thận. Thận cũng luôn bổ sung tinh tủy cho não. Thận tinh hư trí tuệ chậm phát triển, dần dần nên phải bổ thận tinh sinh huyết, huyết nuôi dưỡng tóc nên sự thịnh suy của thận ảnh hưởng đến tóc.

d. Thận chủ nạp khí:

Không khí do phế hít vào, được giữ lại ở thận gọi là sự nạp khí của thận, nếu thận hư không nạp được khí làm phế khí nghịch lên gây chứng ho hen, khó thở.

e. Phụ (thận chủ mệnh môn hỏa)

Mệnh môn có quan hệ chặt chẽ với thận là bộ phận rất quan trọng trong cơ thể. Thận là tạng thuộc thủy, chủ việc tàng tinh, tinh là nguyên âm, mệnh môn là chỗ liên quan đến nguyên khí gọi là nguyên dương.

Quan hệ giữa thận và mệnh môn là quan hệ âm dương hỗ căn, thủy hỏa tương tế. Mệnh môn thịnh thì cơ thể sinh trưởng, phát triển, mệnh môn suy bại thì nguyên khí khô kiệt, âm dương ly quyết và sinh mệnh cũng kết thúc.

III. PHỦ

1. Đởm:

Đởm chứa mật giúp cho tỳ tiêu hóa. Đởm có chức năng về tinh thần, chủ quyết đoán. Chứng hoàng đảng có liên quan trực tiếp tới đởm.

2. Vị:

Vị chứa đưng và làm như đồ ăn, giúp cho tỳ vận hóa thừa ăn. Vị và tỳ được coi là gốc của hậu thiên. Giữa vào vị khí, người ta tiên lượng tốt xấu của bệnh, đánh giá kết quả điều trị(còn vị khí sẽ sống, hết vị khí sẽ chết).

3. Tiểu trường:

Phân lọc tinh chất do tỳ vận hóa từ thức ăn. Phần thanh được hấp thụ tại tiểu trường rồi đưa lên phế. Phần trọc chuyển xuống bàng quang và đại trường để bài tiết ra ngoài.

Tiểu trường biểu lý với tâm nên nhiệt tạng tâm có thể đi xuống tiểu trường gây chứng đái máu.

4. Đại trường:

Chứa đựng và bài tiết phân. Các chứng lòi dom(thoát giang), trĩ, lỵ là bệnh của đại trường. Đại trường quan hệ với biểu lý, với phế. Phế nhiệt gây táo bón và ngược lại đại trường nhiệt táo sẽ gây ho.

5. Bàng quang:

Chứa đựng và bài tiết nước tiểu. Thận hư sẽ gây rối loạn tiểu tiện. Các chứng đái đục, đái buốt, đái rắt liên quan đến bàng quang.

6. Tam tiêu:

Là 3 phần của thân mình. Thượng tiêu là phần từ miệng đến tâm vị. Trung tiêu là phần từ tâm vị đến môn vị. Hạ tiêu là phần từ môn vị đến hậu môn. Tam tiêu là đường phân bố thủy dịch trong cơ thể, nước ở thượng tiêu tỏa như mây mù, ở trung tiêu đọng lại như ao hồ, ở hạ tiêu chảy như nước trong suối lạch. Lực điều hành thủy dịch do phế khí (phế thông điều thủy). Tam tiêu cùng 3 trung tâm phát nhiệt của cơ thể.

IV. TINH THẦN KHÍ HUYẾT TÂN DỊCH

1. Khí huyết:

Khí và huyết có quan hệ âm dương. Khí thuộc dương, huyết thuộc âm. Khí huyết hỗ trợ lẫn nhau, huyết tạo ra khí, khí thúc đẩy huyết giúp vận chuyển hóa thức ăn để tạo ra huyết. Huyết là mẹ của khí, khí là thống soái của huyết. Khí hành huyết hành, khí trệ huyết trệ.

a. Khí:

Khí là động lực cho mọi hoạt động cơ thể. Mỗi tạng chứa một dạng khí riêng, gọi theo tên tạng đó như: tâm khí, thận khí, can khí, tỳ khí, phế khí.

Dựa vào nguồn gốc xuất phát của khí ta có:

- Tông khí từ thượng tiêu
- Trung khí từ trung tiêu
- Nguyên khí từ hạ tiêu

b. Huyết:

Là chất dịch màu đỏ, được tạo ra từ tinh. Huyết do tâm chủ quản, tỳ thống nhiếp và được tàng chứa tại can.

2. Tinh và thần:

Tinh và thần có quan hệ âm dương, tinh thuộc âm, thần thuộc dương. Tinh đầy đủ thì thần minh mẫn vững vàng.

a. Tinh:

Là cơ sở vật chất, khí và thần đều do tinh sinh ra. Tinh, khí, thần là yếu tố cơ bản của sự sống. Tinh bao gồm tinh tiên thiên và tinh hậu thiên có quan hệ hỗ trợ.

Tinh tiên thiên được bẩm thụ từ bố mẹ, là hệ gen trong các nhiễm sắc thể của tế bào sinh dục, tinh trực thuộc thận mang tính huyết thống, đặc điểm giống nòi.

Tinh hậu thiên do tiêu vận hóa thức ăn. Tinh hậu thiên là nguồn động lực cho các tạng phủ.

b. Thần:

Bao gồm các hoạt động tâm thần (tư duy, ý thức) đồng thời điều hành hoạt động của tạng phủ. Tinh, khí đầy đủ thì thần sáng suốt vững vàng. Thần biểu hiện công năng của tâm. Tình trạng của thần biểu hiện qua ánh mắt, vẻ mặt, cách ứng xử.

3. Tân dịch:

Tân dịch thuộc âm, do thận chủ quản, nguồn gốc từ tỳ tạo ra bao gồm: tân và dịch.

a. Tân:

Là chất dịch trong, dịch gian bào tác dụng làm nhu nhuận da thịt.

Ỉa chảy ra mồ hôi nhiều sẽ làm tân khô kiệt, hội chứng mất nước, điện giải.

b. Dịch:

Là chất dịch đục thường ở trong bao khớp. Tác dụng làm trơn nhờn khớp xương.

Sốt cao, ỉa chảy, nôn ra mồ hôi nhiều là nguyên nhân làm khô cạn tân dịch. Rối loạn chức năng của phế, tỳ, thận, làm ứ đọng gây phù thũng.